

Bản án số: 131/2020/DS-PT

Ngày: 27-5-2020

V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 440/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2017; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà P. Monique Ch. (Trần Phương M); Địa chỉ cư trú: số 26 BdP 91200 Athis - Mons, France (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ngọc H; Địa chỉ cư trú: 526 NCT, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản Ủy quyền ngày 26/5/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Đình H1; Địa chỉ cư trú: thôn MĐ, xã PH, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ E; Địa chỉ thường trú: 133B LLQ, Khu đô thị khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang; Địa chỉ tạm trú: tổ 10, khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Ngọc M1, sinh năm 1950 (chết ngày 21/02/2016)

2/ Ông Trương M1 T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khu đô thị khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Mỹ E là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện cho nguyên đơn P. Monique Ch. (Trần Phương M) bà Lê Tuyết Ng trình bày:

Vào năm 2009, bà P. Monique Ch. có mua của bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Thiều Vĩnh Kh hai nền đất diện tích 144m², tọa lạc tại khóm LTC, phường LH, thị xã TC giá 300.000.000 đồng. Vào thời điểm đó do bà P. Monique là Việt kiều Pháp, không thể đứng tên quyền sử dụng đất ở Việt Nam được nên có nhờ E dâu là Nguyễn Thị Mỹ E đứng tên quyền sử dụng đất giùm. Bà E được cấp 02 quyền sử dụng đất tổng diện tích 144m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.06735Ea và H.06701Ea cùng ngày 24/11/2009. Đến ngày 27/11/2009 bà E, ông Kh, bà Th và bà P. Monique có làm tờ tự thuận với nội dung phần đất 144m² là do bà P. đưa tiền ra mua và cất nhà, bà E chỉ là người đứng tên giùm quyền sử dụng đất.

Trên đất có một căn nhà do bà P. bỏ tiền ra xây cất, tiền cất nhà khoảng 850.000.000 đồng. Khi có chủ trương của Nhà nước cho Việt kiều mua đất cất nhà thì bà P. Monique yêu cầu bà E chuyển trả lại quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất nhưng bà E không đồng ý. Nay, bà P. yêu cầu bà E phải trả lại tài sản là phần đất có diện tích 144m² và một căn nhà gắn liền trên đất.

Bà Nguyễn Thị Mỹ E trình bày:

Bà thừa nhận năm 2009 chị chồng của bà là P. Monique Ch. tên Việt Nam là Trần Phương M có mua của ông Kh, bà Th hai nền nhà giá 300.000.000 đồng. Sau đó bà P. Monique nhờ bà đứng tên giùm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 144m² số H.06735Ea và H.06701Ea, có làm tờ thỏa thuận đứng tên giùm với ông Kh, bà Th; căn nhà trên đất thì bà P. Monique cũng bỏ tiền xây dựng khoảng 2 tỷ đồng. Bà đồng ý trả nhà đất cho bà P. Monique.

Trước phiên tòa, bà Mỹ E chỉ xin bà P. Monique cho căn nhà tại số 133B LLQ, khóm LTC, phường LH, thị xã TC của ông Huỳnh Ngọc Q, mà trước đây bà P. Monique đã hứa mua cho bà để ở.

Bà và ông Đặng Ngọc M1 chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn và không có con chung. Khi còn sống thì ông Đặng Ngọc M1 trình bày thống nhất với lời trình bày của bà E.

Ngày 03/01/2016 ông M1 có đơn tường trình, thừa nhận bà E có đứng tên quyền sử dụng giùm bà P. Monique hai nền nhà. Yêu cầu công nhận nhà và đất số 133B LLQ, khóm LTC, phường LH, thị xã TC.

Diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và xác định không yêu cầu định giá lại tài sản đang tranh chấp và không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn.

Bà E xác định rút lại yêu cầu bà P. Monique phải trả tiền công chăm sóc ông Đỗ Phi Kh1 trong 3 năm là 150.000.000 đồng; Rút lại yêu cầu xem xét công

sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản. Chỉ yêu cầu bà P. Monique thực hiện lời hứa cho bà căn nhà số 133B LLQ, khóm LTC, phường LH, thị xã TC và xác định không yêu cầu định giá lại tài sản đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 143, 144, 145, 147, 149, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 255, 256, của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 159 của Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 5, Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 74, Điều 75 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 12, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 02/2016/AL, được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Monique Ch. (Trần Phương M).

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ E phải có nghĩa vụ trả cho bà P. Monique Ch. (Trần Phương M.) diện tích đất 144m² thuộc thửa đất số 35, 36, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.06735Ea và H.06701Ea cùng ngày 24/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện TC (nay là thị xã TC) cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ E đứng tên, gắn liền với căn nhà cấp 3A, có tổng diện tích 196,02m², kết cấu: khung bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch ceramic, sàn bê tông cốt thép, mái ngói, nhà và đất tọa lạc tại số 102, đường AC, khu đô thị khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Các đương sự phải có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà ở và đăng ký lại quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đất đai và nhà ở.

2/ Buộc bà P. Monique Ch. phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ E số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3/ Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ E về việc yêu cầu bà P. Monique Ch. trả tiền công chăm sóc 150.000.000 đồng.

4/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ E đòi căn nhà số 133B, đường LLQ, khóm LTC, phường LH, thị xã TC.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm, về trách nhiệm phải chịu tiền lãi suất khi chậm thi hành án, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/02/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ E kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà P. Monique giao trả cho bà căn nhà số 133B, Khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thoả thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị Mỹ E tự nguyện giao trả cho bà P. Monique Ch. (Trần Phương M.) diện tích đất 144m² thuộc các thửa đất số 35, 36, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.06735Ea và H.06701Ea cùng ngày 24/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện TC (nay là thị xã TC) cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ E đứng tên, gắn liền với căn nhà cấp 3A, có tổng diện tích 196,02m², kết cấu: khung bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch ceramic, sàn bê tông cốt thép, mái ngói, nhà và đất tọa lạc tại số 102 ẤC, Khu đô thị khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Bà P. Monique Ch. tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ E 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày như sau:

Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ E làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể, bà Mỹ E giao trả căn nhà số 102 ẤC, bà P. Monique Ch. hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ E 200.000.000 đồng. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận nêu trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ E làm trong thời hạn, có hình thức, nội dung phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phùng Thị Ngọc H là người đại diện hợp pháp của bà P. Monique Ch. và bà Nguyễn Thị Mỹ E đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự, theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P. Monique Ch. là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ E 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ E giao trả cho bà P. Monique Ch. (Trần Phương M căn nhà số 102 ẤC, Khu đô thị khóm LTC, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang, cùng khuôn viên đất có diện tích 144m², thuộc các thửa số 35, 36, tờ bản đồ số 21, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.06735Ea và H.06701Ea cùng ngày 24/11/2009, do Ủy ban nhân dân huyện TC (nay là thị xã TC) cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ E.

[2] Bà P. Monique Ch. (Trần Phương M.) tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ E 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[3] Việc thi hành án được thực hiện song phương tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P. Monique Ch. (Trần Phương M.) là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P. Monique Ch. (Trần Phương M.) 23.325.000 (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 8795 ngày 15/3/2012 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ E phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9966 ngày 18/5/2012 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Hoàn trả cho bà Mỹ E 1.800.000 (một triệu tám trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

[5] Về chi phí định giá: Bà Nguyễn Thị Mỹ E phải có trách nhiệm trả lại cho bà P. Monique Ch. số tiền 4.085.000 (bốn triệu không trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ E 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu số 5178 ngày 08/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- đương sự;
- Lưu: VP, HS, 18b, LVD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Đặng Văn Thành

Võ Văn Khoa

